TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CG** **TỈNH TG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **249**/2023/DS-ST;
Ngày: 19/7/2023.

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Văn Bình;

Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 454/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Ngọc L** – sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp TT, xã XĐ, huyện CG, tỉnh TG;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2021): Chị **Lê Thị Hồng T** – sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 244/2, tổ 8, ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh TG;

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu N** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: tổ 11, ấp TN, xã XĐ, huyện CG, tỉnh TG.

(Chị T có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L trình bày:

Do quen biết, nên ngày 12/6/2014 bà Đặng Thị Ngọc L có cho bà Nguyễn Thị Thu N vay số tiền 30.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, khi vay bà N có viết giấy biên nhận vay mượn tiền cho bà L. Tuy nhiên, bà N không trả tiền theo thỏa thuận. Nên bà L khởi kiện yêu cầu bà N trả 30.000.000 đồng nợ vay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 17/3/2023, bà N có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là do bà N có gặp bà L trả bớt một phần tiền; và hai bên thỏa thuận bà N chỉ còn nợ bà L 10.000.000 đồng, hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, đồng thời bà N đã thu hồi giấy biên nhận nợ ngày 12/6/2014, ký lại giấy biên nhận mới cho bà L vào ngày 24/02/2022. Do đó, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, là chỉ yêu cầu bà N trả tiếp 10.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Lê Thị Hồng T trình bày: Chị T yêu cầu bà N trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 24/02/2022, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Thị Thu N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N trả lại số tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là "Hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N có nơi cư trú tại ấp Tân Ninh, xã XĐ, huyện CG, tỉnh TG, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Thu N.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, số tiền nguyên đơn khởi kiện là 30.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả tiếp 10.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với Điều 5, Điều 244 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận nợ ngày 24/02/2022 nộp kèm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, thể hiện bà N còn nợ bà L số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà N không thực hiện, giấy biên nhận này có chữ ký xác nhận nợ của bà N. Bà Nguyễn Thị Thu N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 24/02/2022 xác định bà N còn nợ bà L số tiền 10.000.000 đồng, và bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Đối với tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền nợ vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà N phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Minh Quân